

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2022/DS-PT.

Ngày: 29/7/2022

V/v: “*Tranh chấp QSDĐ*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Minh Hiền.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Việt Hùng;
Ông Đặng Văn Quyết.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hương Mai - Cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Nguyễn Đức Sơn—
Kiểm sát viên.

Ngày 29/7/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2022/TLPT- DS ngày 13/6/2022 về việc: “*Tranh chấp QSDĐ*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 21/2022/DS-ST ngày 06/4/2022 của Toà án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 103/2022/QĐ-PT ngày 13/7/2022 giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu B, sinh năm 1936, có mặt

Bà Hà Thị Ch, sinh năm 1951, vợ ông B, có mặt

Đều có địa chỉ: Thôn Đ, xã Lương Ph, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Ông Hà Xuân H1, (Hà Văn H1) sinh năm 1973, có mặt

Bà Võ Thị Thu H2, sinh năm 1973, vợ ông H1, có đơn xin vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn Đ, xã Lương Ph, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

1- UBND xã Lương Ph, huyện H, tỉnh Bắc Giang, do ông Trần Văn Ph là người đại diện theo ủy quyền, có đơn xin vắng mặt.

2- UBND huyện H, tỉnh Bắc Giang, do ông Nguyễn Văn C – Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H là người đại diện theo ủy quyền, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu B trình bày: Hộ gia đình ông có thửa đất số 224, có diện tích là 2439,1m² tại thôn Đ, xã Lương Ph, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Đất chưa được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ. Giáp với đất của gia đình ông là đất của hộ gia đình ông H1. Quá trình sử dụng đất, ông H1 đã lấn chiếm một phần diện tích đất của ông. Phần đất tranh chấp này nằm xen giữa đất của 2 gia đình, có chiều rộng mặt đường (nằm giáp mặt đường thôn) là 2,16m; phần đất nằm giáp đất của hộ gia đình anh Hà Văn H3 (anh trai ông H1) và giáp với đất của ông H1 có chiều rộng là 2,13m; chiều dài của phần đất tranh chấp là chiều sâu kéo từ mặt đường thôn đến hết phần đất của ông H1. Nay, ông khởi kiện yêu cầu ông H1 phá tường xây và nhà bán mái lợp Proximăng để trả lại cho ông phần diện tích đất mà ông H1 đã lấn chiếm. Đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận QSDĐ của ông H1. Căn cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông là: So sánh với số liệu ghi trong Bản đồ địa chính chính quy của xã Lương Ph đo vẽ năm 2005 thì hiện nay gia đình ông đang bị thiếu về diện tích đất; chiều dài của các cạnh của thửa đất của hộ gia đình ông, (phía giáp với đất của hộ ông H1) cũng bị thiếu. Trong đó chiều dài của các cạnh của thửa đất của hộ gia đình ông H1 (phía giáp với đất của hộ ông) hiện nay lại tăng lên; diện tích đất thực tế của hộ ông H1 hiện nay là thừa so với diện tích ghi trong Giấy chứng nhận QSDĐ của hộ ông H1.

Vợ chồng ông Hà Xuân H1 và bà Võ Thị Thu H2 đều trình bày: Từ rất lâu rồi thì phần đất nằm giáp ranh giữa đất của hộ gia đình ông bà với phần đất của hộ gia đình ông B đã được trồng một dãy tre. Ông bà đã phải bỏ một phần đất của gia đình ông bà để đào một rãnh chạy dọc làm ranh giới và để ngăn không cho rễ tre ăn sang đất của ông bà, để không ảnh hưởng đến cây trồng của gia đình ông bà. Năm 2004, ông bà đã xây bức tường ngăn cách trên phần rãnh đó. Khi xây tường, ông B có biết nhưng không có ý kiến gì. Sau đó một thời gian, ông B có phá dãy tre nằm giữa 2 thửa đất của 2 hộ gia đình; Năm 2019, ông B khởi kiện đến Tòa án vì cho rằng vợ chồng ông bà đã lấn chiếm đất của ông B. Ông bà không đồng ý

với yêu cầu khởi kiện của ông B vì phần đất tranh chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng của vợ chồng ông bà.

UBND xã Lương Ph do ông Trần Văn Ph là người đại diện theo ủy quyền đã trình bày: Thửa đất hộ gia đình ông Hà Văn H1 đang sử dụng tại thôn Đ có nguồn gốc là của cha ông để lại. Năm 2001, hộ ông Hà Văn H1 kê khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận QSDĐ. Theo kết quả đo đạc thủ công của tổ công tác của thôn Đ, UBND huyện Hiệp Hoà đã cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ ông Hà Văn H1 với diện tích đất là 600m², trong đó 240m² đất ở và 360m² đất vườn. Theo ông H1 thì ranh giới giữa đất của ông H1 với đất của ông B là một rãnh mềm. Năm 2004, ông H1 xây tường bao ngăn cách đất giữa 2 hộ gia đình, hiện nay tường bao này vẫn còn. Năm 2005, UBND xã Lương Ph đo đạc bản đồ địa chính. Thửa đất của hộ gia đình ông H1 là thửa số 223, tờ bản đồ 20, diện tích 819,5m² đất. Thửa đất của hộ gia đình ông B là thửa số 224, tờ bản đồ 20, diện tích 2439m² nằm liền kề với đất của hộ gia đình ông H1. Theo bản đồ địa chính đo năm 2005 thì ranh giới giữa 2 thửa đất là đoạn thẳng có chiều dài 30,61m. Hiện nay, ranh giới của 02 thửa đất có sự sai khác biệt so với ranh giới của 02 thửa đất trên bản đồ địa chính đo năm 2005. Theo Giấy chứng nhận QSDĐ mà ông H1 đã được UBND huyện H cấp năm 2001, thì phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình ông H1. Nay các bên có xảy ra tranh chấp, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

UBND huyện H, tỉnh Bắc Giang do ông Nguyễn Văn C là người đại diện theo ủy quyền đã trình bày: Việc cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho ông Hà Văn H1 là đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định. Hiện nay Giấy chứng nhận QSDĐ của ông H1 đang có giá trị pháp lý. Trên Giấy chứng nhận QSDĐ của hộ ông H1 có sơ đồ thửa đất thể hiện đầy đủ các cạnh của thửa đất, tứ cận của thửa đất. Biên bản xác định ranh giới của thửa đất và Đơn đăng ký QSDĐ có chữ ký các chủ hộ liền kề trong đó có chữ ký của ông B. Bản đồ địa chính được đo đạc năm 2005, nhưng ông B vẫn chưa được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ. Do vậy kích thước các cạnh thửa đất của ông H1 theo bản đồ này chưa phải là căn cứ pháp lý để xác lập quyền SDĐ đối với hộ ông H1. Đề nghị Tòa án xác minh làm rõ ranh giới giữa 2 thửa đất là bức tường bao ngăn cách và sơ đồ trong Giấy chứng nhận QSDĐ của ông H1 để giải quyết vụ án. Trường hợp xác định được phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ai thì Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H sẽ chỉnh lý bản đồ khi công dân thực hiện kê khai theo quyết định của Tòa án.

Do có nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 21/2022/DS-ST ngày 06/4/2022 của Toà án nhân dân huyện H đã áp dụng Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 157; Điều 157; Điều 227; Điều 271; khoản 1, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 100; Điều 203 luật đất đai 2013; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông B về việc đòi ông H1 phần đất tranh chấp nằm xen giữa đất của hộ ông H1 và hộ ông B có cạnh phía Nam dài 2,16m, cạnh phía Bắc dài 2,16 m; cạnh phía Đông dài 30,43m, cạnh phía Tây dài 30,43m.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông B về việc ông B yêu cầu ông H1, bà H2 tháo dỡ tường cùng các tài sản trên phần đất tranh chấp để trả lại đất cho ông B.

3. Về án phí DSST: Ông Nguyễn Hữu B, bà Hà Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Ông B phải chịu 2.500.000 đồng tiền chi phí thẩm định tại chỗ. Xác định ông B đã nộp đủ số tiền này.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/4/2022, ông Nguyễn Hữu B nộp đơn kháng cáo;

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là ông Nguyễn Hữu B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thể thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

+ Ông Nguyễn Hữu B đã trình bày: Phần đất tranh chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng của hộ gia đình ông. So sánh với số liệu ghi trong Bản đồ địa chính chính quy của xã Lương Ph đo vẽ năm 2005 thì hiện nay gia đình ông đang bị thiếu về diện tích đất; chiều dài của các cạnh của thửa đất của hộ gia đình ông, (phía giáp với đất của hộ ông H1) cũng bị thiếu. Trong đó chiều dài của các cạnh của thửa đất của hộ gia đình ông H1 (phía giáp với đất của hộ ông) hiện nay lại tăng lên; diện tích đất thực tế của hộ ông H1 hiện nay là thừa so với diện tích ghi trong Giấy chứng nhận QSDĐ của hộ ông H1. Phần diện tích đất đang có tranh chấp theo Bản đồ địa chính của xã Lương Ph đo vẽ năm 2005 là của hộ gia đình ông nên thuộc quyền quản lý của hộ gia đình ông. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm đã xử, buộc vợ chồng ông H1 phải trả lại cho gia đình ông phần diện tích đất đang có tranh chấp này.

+ Ông Hà Xuân H1 đã trình bày: Năm 2001, hộ gia đình ông được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ với diện tích được cấp là 600m² đất. Nhưng diện tích thực tế

của hộ gia đình ông theo Bản đồ địa chính chính quy của xã Lương Ph đo vẽ năm 2005 là 819,5m². Đây là do sai số về diện tích đất khi UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận QSDĐ. Hộ gia đình ông H1 chưa được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ. So sánh với số liệu ghi trong Bản đồ địa chính của xã Lương Ph đo vẽ năm 2005 với kết quả Tòa án thẩm định tại chỗ thì hiện nay gia đình ông B ông B vẫn không thay đổi về diện tích đất. Năm 2004, ông xây bức tường ngăn cách giữa 2 gia đình ông B không có ý kiến gì. Năm 2007, ông B mới chặt rặng tre ngăn cách giữa 2 hộ gia đình. Phần đất đang có tranh chấp nằm trong Giấy chứng nhận QSDĐ của hộ gia đình ông nên thuộc quyền quản lý của hộ gia đình ông. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông B, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang áp dụng khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông B: Giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu B trình bày: Hộ gia đình ông B có thửa đất số 224, có diện tích là 2439,1m² tại thôn Đ, xã Lương Ph, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Đất chưa được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ. Giáp với đất của gia đình ông B là đất của hộ gia đình ông Hà Xuân H1. Quá trình sử dụng đất, ông H1 đã lấn chiếm một phần diện tích đất của ông B. Phần đất tranh chấp này nằm xen giữa đất của 2 hộ gia đình, có chiều rộng mặt đường (nằm giáp mặt đường thôn) là 2,16m; phần đất nằm giáp đất của hộ gia đình anh Hà Văn H3 (anh trai ông H1) và giáp với đất của ông H1 có chiều rộng là 2,13m; chiều dài của phần đất tranh chấp là chiều sâu kéo từ mặt đường thôn đến hết phần đất của ông H1. Nay, ông B khởi kiện yêu cầu ông H1 phá tường xây và nhà bán mái lợp Proximăng để trả lại cho ông B phần diện tích đất tranh chấp mà ông H1 đã lấn chiếm. Căn cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông B là: So sánh với số liệu ghi trong Bản đồ địa chính chính quy của xã Lương Ph đo vẽ năm 2005 thì hiện nay gia đình ông B đang bị thiếu về diện tích đất; chiều dài của các cạnh của thửa đất của hộ gia đình ông B, (phía giáp với

đất của hộ ông H1) cũng bị thiếu. Trong đó chiều dài của các cạnh của thửa đất của hộ gia đình ông H1 (phía giáp với đất của hộ ông B) hiện nay lại tăng lên; diện tích đất thực tế của hộ ông H1 hiện nay là thừa so với diện tích ghi trong Giấy chứng nhận QSDĐ của hộ ông H1.

Bị đơn là vợ chồng ông Hà Xuân H1, bà Võ Thị Thu Hiền không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông B.

Bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông B, sau khi xét xử sơ thẩm, ông B kháng cáo đề nghị vợ chồng ông H1, bà H2 phải trả cho ông B phần diện tích đất tranh chấp.

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Hữu B, Hội đồng xét xử xét thấy:

+ Theo Giấy chứng nhận QSDĐ mà UBND huyện H, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ ông Hà Văn H1 ngày 01/6/2001, hộ ông H1 được quản lý, sử dụng 600m² đất. Trên Giấy chứng nhận QSDĐ của hộ ông H1 có sơ đồ thửa đất thể hiện đầy đủ các cạnh của thửa đất, tứ cận của thửa đất.

Theo Sơ đồ đất trong Giấy chứng nhận QSDĐ của hộ ông H1 thì đất của hộ ông H1 là đa giác có 5 cạnh, trong đó 2 cạnh của thửa đất của hộ ông H1 (có điểm tiếp giáp với đất của hộ ông B) ở phía Bắc và ở phía Nam đều có chiều dài là 23m; cạnh phía Tây (giáp đường thôn) là 2 đoạn thẳng gấp khúc có chiều dài là 14,7m + 20m;

Tại Biên bản xác định ranh giới, mốc giới của thửa đất và Đơn đăng ký QSDĐ của hộ ông H1 có chữ ký các chủ hộ liên kề trong đó có chữ ký “Biên”.

+ Theo Bản đồ địa chính của xã Lương Ph đo vẽ năm 2005 (do ông B xuất trình):

- Hộ ông B là thửa đất số 224, có diện tích là 2.439m² đất nằm giáp với đất của hộ ông H1 về phía Đông Nam. Ranh giới giữa 2 thửa đất là 1 đường thẳng có chiều dài là 30,61m.

Cạnh phía Nam của hộ ông B có chiều dài 55,36m.

- Hộ ông H1 là thửa đất số 223, có diện tích là 819,5m² đất;

Cạnh phía Nam của thửa đất của hộ ông H1 là đoạn thẳng được thể hiện bằng nhiều đoạn thẳng riêng biệt gồm: 15,05 + 3,29 + 2,16 = 20,5 và 01 đoạn thẳng tại góc của có chiều dài là 3,36.

Phía Tây của thửa đất của hộ ông H1 là hình cánh cung gồm nhiều đoạn thẳng gấp khúc có chiều dài là: 8,63 + 2,02 + 10,07 + 10,05 + 2 + 3,36, (khác với hình thể của thửa đất trong Giấy chứng nhận QSDĐ chỉ có 2 cạnh).

+ Theo kết quả thẩm định tại chỗ của Tòa án tiến hành ngày 02/8/2021:

- Hộ ông B là thửa đất số 224, có diện tích là $2.430,2\text{m}^2$, (là bị thiếu $8,8\text{m}^2$ đất so với diện tích ghi trong Bản đồ địa chính đo vẽ năm 2005).

Cạnh phía Nam của hộ ông B là đoạn thẳng có tổng chiều dài là: $36,27 + 6,64 + 12,09 + 0,49 = 55,49\text{m}$.

- Hộ ông H1 là thửa đất số 223, có diện tích là $845,3\text{m}^2$ đất, (là bị thừa $25,8\text{m}^2$ đất so với diện tích ghi trong Bản đồ địa chính đo vẽ năm 2005).

Chiều dài cạnh phía Bắc (có 1 vị trí giáp đất của hộ ông B) của hộ ông H1 dài là: $15,29 + 7,79 = 23,08\text{m}$, (là bị thừa $0,08\text{m}$ so với Giấy chứng nhận QSDĐ);

Chiều dài cạnh phía Nam (có 1 vị trí giáp đất của hộ ông B) của hộ ông H1 dài là: $15,05 + 3,92 + 0,93 + 1,22 = 21,12\text{m}$, (là bị thiếu so với Giấy chứng nhận QSDĐ là $1,88\text{m}$).

Phía Tây của thửa đất của hộ ông H1 có hình vòng cung gồm nhiều đoạn thẳng gấp khúc có chiều dài là: $7,73 + 2,02 + 4,83 + 4,85 + 5,09 + 5,03 + 0,58 + 2,02 + 3,36$;

Ranh giới giữa 2 thửa đất là 1 đường thẳng có tổng chiều dài là: $16,44 + 13,99 = 30,43\text{m}$.

Phần diện tích đất tranh chấp theo các mốc giới do ông B chỉ có diện tích là $34,7\text{m}^2$.

Như vậy, quá trình sử dụng đất của các hộ gia đình từ năm 2001 đến nay đều có sự thay đổi về diện tích, hình thể, chiều dài của các cạnh của thửa đất.

Tuy nhiên các cạnh phía Bắc và phía Nam của thửa đất của hộ ông H1 (có 1 điểm tiếp giáp với đất của hộ ông B) theo sơ đồ ghi trong Giấy chứng nhận QSDĐ của hộ ông H1 so với kết quả thẩm định đo vẽ tháng 8/2021 thì vẫn không có sự thay đổi nhiều. Theo ông H1 trình bày: Khi ông H1 xây tường nhà tại vị trí nằm ở phía Nam của cạnh phía Tây của thửa đất thì ông H1 đã bớt lại một phần đất của gia đình ông H1 để tạo góc cua, tăng tầm nhìn cho người đi đường. Chính vì vậy mà cạnh phía Nam của thửa đất của ông H1 hiện nay đã bị thiếu là $1,88\text{m}$ so với số đo trong Giấy chứng nhận QSDĐ; cạnh phía Bắc là bị thừa $0,08\text{m}$.

Theo ông B trình bày thì theo Bản đồ địa chính năm 2005 của xã Lương Ph đã thể hiện phần diện tích đất tranh chấp thuộc quyền quản lý của hộ gia đình ông B.

Nhưng theo đại diện của UBND huyện H lại có quan điểm: Mặc dù bản đồ địa chính năm 2005 của xã Lương Ph đã thể hiện kích thước các cạnh thửa đất của hộ ông B, nhưng hộ ông B chưa được cấp đổi Giấy chứng nhận QSDĐ, nên số liệu của bản đồ này chưa phải là căn cứ pháp lý để xác định, xác lập quyền sử dụng đất của hộ ông H1. Phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ gia đình ông H1

Ông H1 và một số người làm chứng tại phiên tòa gồm: Ông Hà Xuân Đ; bà Nguyễn Thị Th; ông Hà Văn Q; ông Hà Văn Đ1 đều trình bày về việc ông H1 đã xây bức tường bao ngăn cách giữa đất của hộ ông H1 và đất của hộ ông B từ năm 2004 nhưng ông B cũng không có ý kiến phản đối. Năm 2007, ông B mới chặt rặng tre của ông B nằm ngay sau tường bao. Ông B còn xây tường nhà của ông B nối tiếp vào bức tường bao của ông H1.

Theo ông H1 trình bày: Theo bản đồ địa chính đo năm 2005, cạnh phía Nam của thửa đất của hộ ông H1 được ông H1 xây dựng công trình nên khi đo vẽ bản đồ thì cạnh phía Nam của thửa đất được thể hiện bằng nhiều đoạn thẳng riêng biệt gồm: 15,05 + 3,29 + 2,16. Khi trích yếu bản đồ, người vẽ bản đồ đã ghi con số 2,16m sang phần đất của hộ gia đình ông B là sai sót trong quá trình phát hành bản đồ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Giả sử như các số liệu ghi trong Bản đồ địa chính xã Lương Ph năm 2005 là chính xác, nhưng hộ gia đình ông H1 vẫn chưa được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đối với thửa đất số 224. Hơn nữa, cạnh phía Nam của thửa đất của hộ ông B (có 1 điểm nằm giáp đất của ông H1) theo bản đồ địa chính đo vẽ năm 2005 là 55,36m, nhưng nay đo lại thì có kết quả là 55,49m (là đã thừa 0,13m). Như vậy, thửa đất của ông B hiện nay (tại vị trí tiếp giáp với đất của hộ ông H1) là không bị thiếu về số đo chiều dài khi so sánh với kết quả đo vẽ năm 2005.

Thực tế thì hiện nay hộ gia đình ông B chỉ bị hụt 8,8m² đất so với diện tích ghi trong Bản đồ địa chính đo vẽ năm 2005. Nhưng phần diện tích đất tranh chấp theo kết quả thẩm định lại là 34,7m². Nếu phần diện tích đất tranh chấp này là của gia đình ông H1 thì gia đình ông H1 sẽ bị thừa về diện tích đất.

Từ những chứng cứ và sự phân tích nêu trên, không có căn cứ xác định phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ gia đình ông B mà thuộc quyền quản lý, sử dụng của hộ gia đình ông H1. Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông B là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông B, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

Ông B là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1, Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hữu B, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

+Án phí DSPT: Ông Nguyễn Hữu B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Toà án nhân dân huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đã ký
Phạm Thị Minh Hiền